

Số: /KH-UBND

Thường Tín, ngày tháng 3 năm 2025

KẾ HOẠCH
Tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2025-2026
trên địa bàn huyện Thường Tín

Căn cứ Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020; Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020; Điều lệ trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT ban hành kèm theo Thông tư 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ các văn bản của UBND Thành phố: Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội; Công văn số 606/UBND-KGVX ngày 24/02/2025 về công tác tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6, lớp 10 THPT năm học 2025-2026;

Thực hiện Công văn số 759/SGDĐT-QLT ngày 14/3/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc hướng dẫn tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2025-2026;

UBND huyện Thường Tín ban hành Kế hoạch tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2025-2026 trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.

1. Tổ chức tuyển sinh đúng Quy chế, đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan, hướng dẫn tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng, công khai tạo thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập trẻ mẫu giáo 5 tuổi, phổ cập giáo dục Tiểu học và THCS.

2. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các giải pháp nhằm: tăng quy mô tuyển sinh, tăng chất lượng công tác tuyển sinh, tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học, giảm số học sinh trái tuyến, giảm số học sinh trên một lớp. Tăng số học sinh được học 2 buổi/ngày. Tổ chức phân tuyến hợp lý, đảm bảo đủ chỗ học cho học sinh.

3. Phân đầu huy động ít nhất 55% trẻ em độ tuổi nhà trẻ, 99% trẻ em độ tuổi mẫu giáo đi học. Ít nhất 80% trẻ khuyết tật ở thể nhẹ trong độ tuổi mầm non được học hòa nhập; 100% trẻ 6 tuổi đủ sức khỏe được vào lớp 1; 100% học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học được vào học lớp 6.

4. Điều tra chính xác số trẻ ở từng độ tuổi trên địa bàn, phân tuyến và giao chỉ tiêu hợp lý, đảm bảo đủ chỗ học cho học sinh, tránh tình trạng quá tải ở các trường. Thực hiện công khai kế hoạch tuyển sinh, đảm bảo năm rõ: rõ tuyến tuyển sinh, rõ chỉ tiêu tuyển sinh, rõ thời gian tuyển sinh, rõ phương thức tuyển sinh và rõ trách nhiệm trong công tác tuyển sinh.

5. Các trường tuyệt đối không được vận động, quyên góp và thu các khoản ngoài quy định khi tuyển sinh.

6. Cá nhân chịu trách nhiệm với nhiệm vụ được giao trước cơ quan cấp trên trực tiếp; Thủ trưởng đơn vị là người chịu trách nhiệm cuối cùng về công tác tuyển sinh.

B. NỘI DUNG.

I. Tuyển sinh vào các trường mầm non.

1. Phương thức và đối tượng

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển theo tuyến tuyển sinh do UBND huyện quy định; tiếp tục sử dụng phần mềm hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến trên toàn Thành phố.

- Đối tượng: Trẻ em trong độ tuổi trên địa bàn dân cư.

2. Độ tuổi dự tuyển:

Căn cứ điều kiện về CSVC và đội ngũ giáo viên của các CSGD mầm non trên địa bàn huyện:

- Các CSGD mầm non công lập nhận trẻ từ 18 tháng tuổi (*Trường hợp số trẻ đăng ký học tại trường vượt quá khả năng tiếp nhận, nhà trường phải ưu tiên tiếp nhận trẻ 5 tuổi, trẻ thuộc tuyến được giao*).

- Các CSGD mầm non ngoài công lập nhận trẻ từ 12 tháng tuổi.

3. Hồ sơ dự tuyển:

- Phiếu đăng ký xét tuyển (*theo mẫu M02 gửi kèm*) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp; in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến;

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ.

4. Các trường Mầm non tuyệt đối không tổ chức dạy trước chương trình lớp 1 cho trẻ.

5. Thời gian tuyển sinh:

- Cấp mã tuyển sinh (*kèm mật khẩu*) cho cha mẹ học sinh trước ngày 31/5/2025 (*mã tuyển sinh là mã học sinh trên CSDL ngành hoặc số định danh cá nhân của học sinh*);

- Tuyển sinh trực tuyến Mầm non 5 tuổi: Từ ngày 04/7/2025 đến hết ngày 06/7/2025;

- Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp: Từ ngày 12/7/2025 đến hết ngày 18/7/2025;

- Chậm nhất ngày 19/7/2025: Báo cáo nhanh công tác tuyển sinh và duyệt tuyển sinh trái tuyến với UBND huyện (*qua Phòng GD&ĐT*);

- Ngày 21,22/7/2025: Tuyển sinh trực tiếp đối với những trường được duyệt tuyển bổ sung;

- Ngày 23/7/2025: Các trường hoàn thành việc cập nhật danh sách học sinh trúng tuyển vào hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành.

***Lưu ý:**

- Trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến: Cha (mẹ) học sinh có thể đối chiếu hồ sơ tuyển sinh tại trường đăng ký tuyển sinh từ khi nhận được thông báo đăng ký tuyển sinh trực tuyến thành công đến 17 giờ 00 ngày 18/7/2025;

- Trong thời gian tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh của các trường tập hợp danh sách (theo mẫu M03 gửi kèm) các học sinh dự tuyển năm học 2025-2026 cần phải xác minh thông tin cư trú, chủ động phối hợp với Công an cấp xã, thị trấn trên địa bàn để rà soát, xác thực (tuyệt đối không yêu cầu cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh đi xác minh); sau khi có kết quả xác minh của Công an cấp xã, thị trấn đối với những trường hợp không hợp lệ, Hội đồng tuyển sinh của trường cần thông tin kịp thời cho cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh để cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh liên hệ, đăng ký dự tuyển tại trường phù hợp, đảm bảo đúng quy định;

- Tuyệt đối các trường không được tuyển sinh trước thời gian quy định.

6. Chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh (Theo phụ lục 1a).**II. Tuyển sinh vào lớp 1, lớp 6.****1. Phương thức và đối tượng:**

- Thực hiện phương thức xét tuyển, theo tuyển tuyển sinh do UBND huyện quy định; tiếp tục sử dụng phần mềm hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến trên toàn Thành phố;

- Đối tượng dự tuyển vào lớp 1: Trẻ em trong độ tuổi trên địa bàn dân cư;

- Đối tượng dự tuyển vào lớp 6: Những học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học trên địa bàn dân cư.

2. Độ tuổi dự tuyển:**a) Lớp 1:**

Tuổi của trẻ vào học lớp 1 là 6 tuổi (sinh năm 2019). Trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. Tuyệt đối không nhận trẻ thiếu tuổi vào học lớp 1.

b) Lớp 6:

- Tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi (sinh năm 2014).

- Những trường hợp đặc biệt:

+ Những học sinh được học vượt lớp hoặc học sinh được vào học tiểu học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định ở tiểu học thì tuổi vào lớp 6 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm hoàn thành chương trình tiểu học;

+ Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn 03 tuổi so với tuổi quy định.

3. Hồ sơ dự tuyển:

a) Lớp 1:

- Phiếu đăng ký xét tuyển vào lớp 1 (*theo mẫu M02 gửi kèm*) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp; in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến;
- Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ;
- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (*nếu có*).

b) Lớp 6:

- Phiếu đăng ký xét tuyển vào lớp 6 (*theo mẫu M02 gửi kèm*) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp; in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến;
- Bản chính học bạ cấp tiểu học hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ;
- Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ;
- Quyết định cho phép học vượt lớp (*nếu có*);
- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (*nếu có*).

4. Thời gian tuyển sinh:

a) Cấp mã tuyển sinh (*kèm mật khẩu*) cho cha mẹ học sinh trước ngày 31/5/2025 (*mã tuyển sinh là mã học sinh trên CSDL ngành hoặc số định danh cá nhân của học sinh*).

b) Thời gian tuyển sinh:

- Tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến:
 - + Lớp 1: Từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 03/7/2025;
 - + Lớp 6: Từ ngày 07/7/2025 đến hết ngày 09/7/2025.
- Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp: Từ ngày 12/7/2025 đến hết ngày 18/7/2025;
- Chậm nhất ngày 19/7/2025: Báo cáo nhanh công tác tuyển sinh và duyệt tuyển sinh trái tuyển với UBND huyện (*qua Phòng GD&ĐT*);
- Ngày 21, 22/7/2025: Tuyển sinh trực tiếp đối với những trường được duyệt tuyển bổ sung;
- Ngày 23/7/2025: Các trường hoàn thành việc cập nhật danh sách học sinh trúng tuyển vào hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành.

***Lưu ý:**

- Trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến: Cha (mẹ) học sinh có thể đối chiếu hồ sơ tuyển sinh tại trường đăng ký tuyển sinh từ khi nhận được thông báo đăng ký tuyển sinh trực tuyến thành công đến 17 giờ 00 ngày 18/7/2025;
- Trong thời gian tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh của các trường tập hợp danh sách (*theo mẫu M03 gửi kèm*) các học sinh dự tuyển năm học 2025-2026 cần phải

xác minh thông tin cư trú, chủ động phối hợp với Công an cấp xã, thị trấn trên địa bàn để rà soát, xác thực (tuyệt đối không yêu cầu cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh đi xác minh); sau khi có kết quả xác minh của Công an cấp xã, thị trấn đối với những trường hợp không hợp lệ, Hội đồng tuyển sinh của trường cần thông tin kịp thời cho cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh để cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh liên hệ, đăng ký dự tuyển tại trường phù hợp, đảm bảo đúng quy định;

- Tuyệt đối các trường không được tuyển sinh trước thời gian quy định.

5. Chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh (Theo phụ lục 1b và phụ lục 1c)

6. Trường THCS Thị trấn Thường Tín:

Tuyển sinh với tất cả các đối tượng học sinh trong toàn huyện đủ tuổi vào lớp 6 theo quy định.

7. Tuyển sinh vào lớp 1, lớp 6 trường Tiểu học và THCS Thăng Long:

Tuyển sinh với tất cả các đối tượng học sinh trong toàn huyện đủ tuổi vào lớp 1, lớp 6 (có nhu cầu học tập tại trường). Thời gian, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh thực hiện theo kế hoạch tuyển sinh riêng do trường xây dựng và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; thông báo công khai trước thời điểm tuyển sinh tại trường Tiểu học và THCS Thăng Long.

8. Tuyển sinh vào lớp 6 trường THCS Nguyễn Trãi A:

Tuyển sinh đối với tất cả học sinh trên địa bàn huyện (có nhu cầu học tập tại trường). Thời gian, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh thực hiện theo kế hoạch tuyển sinh riêng do trường xây dựng và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; thông báo công khai trước thời điểm tuyển sinh tại trường THCS Nguyễn Trãi A.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

I. Phòng Giáo dục và Đào tạo.

1. Chỉ đạo các đơn vị trường học phối hợp với UBND xã, thị trấn điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6; phân tuyến tuyển sinh hợp lý để huy động được số trẻ đến trường với tỷ lệ cao nhất, không để xảy ra hiện tượng quá tải ở các trường trên địa bàn.

2. Tham mưu UBND huyện xây dựng Kế hoạch tuyển sinh; Phê duyệt kế hoạch tuyển sinh của các trường theo chỉ tiêu được giao của UBND huyện.

3. Triển khai Kế hoạch tuyển sinh, Hướng dẫn công tác tuyển sinh đối với các trường Mầm non, Tiểu học và THCS trên địa bàn.

4. Trưởng phòng GDĐT ký Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh và phê duyệt kết quả tuyển sinh của các trường Mầm non, Tiểu học, THCS.

5. Phối hợp với UBND các xã, thị trấn công bố công khai việc phân tuyến tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh; các quy định về độ tuổi, hồ sơ tuyển sinh tại các trường Mầm non, Tiểu học và THCS trên địa bàn trước 15 ngày khi bắt đầu tuyển sinh để cha mẹ học sinh biết và chuẩn bị hồ sơ nhập học cho học sinh tại các trường.

6. Chỉ đạo các trường trên địa bàn tổ chức tuyển sinh theo đúng kế hoạch và hướng dẫn của Sở GD&ĐT, không tổ chức khảo sát học sinh đầu năm học để chia lớp, không tổ chức thi tuyển học sinh vào lớp 1. Kiểm soát chặt chẽ, hạn chế ở mức cao nhất việc tuyển sinh trái tuyển của các trường trên địa bàn, đặc biệt các trường đã tuyển đủ chỉ tiêu được giao.

7. Chỉ đạo các trường Mầm non, Tiểu học, THCS cấp mã tuyển sinh cho cha mẹ học sinh, tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ học sinh các bước đăng ký, tra cứu kết quả tuyển sinh trực tuyến.

8. Phối hợp với Phòng Nội vụ tham mưu và báo cáo UBND huyện về công tác luân chuyển cán bộ, giáo viên; Đề nghị xây dựng thêm trường và phòng học (*đối với những trường chưa đủ phòng học và những trường Mầm non vượt quá nhóm lớp theo quy định*), tăng cường cơ sở vật chất cho những trường khó khăn để đảm bảo chất lượng, nâng cao độ đồng đều giữa các trường.

9. Phòng GD&ĐT phải có biện pháp kiểm tra, quản lý chặt chẽ việc thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh của các trường, không để xảy ra tình trạng quá tải và vượt chỉ tiêu ở một số trường. Nếu trường nào có sự thay đổi về chỉ tiêu được giao, phải báo cáo kịp thời với UBND huyện (*qua Phòng GD&ĐT*) để chỉ đạo.

10. Thành lập Tổ công tác chỉ đạo và hỗ trợ công tác tuyển sinh trực tuyến vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2025-2026 trên địa bàn.

11. Tổ chức chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tuyển sinh của các trường Mầm non, Tiểu học và THCS trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định về tuyển sinh.

12. Công tác tuyển sinh là một tiêu chuẩn để đánh giá xếp loại thi đua các trường.

II. Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS.

1. Chủ động phối hợp với UBND các xã, thị trấn trong công tác điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh trên địa bàn được phân công, chủ động xây dựng kế hoạch công tác tuyển sinh năm học 2025-2026 của trường, báo cáo Phòng GD&ĐT. Tham gia đầy đủ hội nghị hướng dẫn về công tác tuyển sinh do Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT tổ chức.

2. Thông báo công khai tại trường tuyển sinh do UBND huyện quy định; chỉ tiêu tuyển sinh và các quy định về độ tuổi, hồ sơ, thời gian tuyển sinh. Thực hiện nghiêm túc quy định tại Thông tư số 09/2024/TT- BG&ĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT về thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (*công khai về cam kết chất lượng GD&ĐT, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính*).

3. Tuyên truyền, hướng dẫn cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh về tuyển sinh trực tuyến.

4. Chuẩn bị cơ sở vật chất, thành lập Tổ công tác hỗ trợ và triển khai tuyển sinh trực tuyến.

5. Mỗi trường phải thành lập một Hội đồng tuyển sinh do Trưởng phòng GDĐT ra Quyết định; Thành phần gồm: Chủ tịch là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng, Phó Chủ tịch là Phó Hiệu trưởng, Thư ký và một số Ủy viên. Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác tuyển sinh, đảm bảo chính xác, khách quan, công bằng, đúng chỉ tiêu được giao.

6. Tổ chức cấp mã tuyển sinh (*kèm mật khẩu*) cho cha mẹ học sinh, hướng dẫn cha mẹ học sinh kiểm tra thông tin cá nhân, kết quả tuyển sinh của học sinh theo đúng quy định; đảm bảo bảo mật thông tin mã học sinh và mật khẩu; đảm bảo thông tin cá nhân và kết quả học tập, rèn luyện của học sinh phải chính xác và thống nhất giữa CSDL với hồ sơ học sinh; bố trí bộ phận thường trực hướng dẫn, giải đáp, hỗ trợ, xử lý những khó khăn của học sinh, cha mẹ học sinh về mã tuyển sinh và các nội dung khác về tuyển sinh theo quy định.

7. Tổ chức tuyển sinh:

a) Khi tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh của học sinh, cán bộ tuyển sinh phải kiểm tra kỹ hồ sơ, đặc biệt phải kiểm tra sự trùng khớp của các thông tin về cá nhân học sinh như: Họ tên, ngày sinh, nơi sinh, số định danh cá nhân...trong Giấy khai sinh, Học bạ (*đối với lớp 6*). Nếu thấy trùng khớp cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải ghi vào mặt sau của bản sao Giấy khai sinh: **“Đã kiểm tra khớp thông tin học sinh với bản chính hồ sơ tuyển sinh”** sau đó ký và ghi rõ họ tên, Hiệu trưởng ký và đóng dấu xác nhận. Bản sao Giấy khai sinh có xác nhận này sẽ là căn cứ để ghi vào hồ sơ học tập, cấp văn bằng chứng chỉ cho học sinh sau này. Cán bộ tuyển sinh và Hiệu trưởng nhà trường phải chịu trách nhiệm về việc kiểm tra và xác nhận trên;

b) Trong thời gian tuyển sinh các trường tuyệt đối không được thu hoặc vận động cha mẹ học sinh đóng góp các khoản ngoài quy định cho nhà trường;

c) Thực hiện nghiêm túc quy định, quy trình tuyển sinh và hạn chế ở mức cao nhất việc tuyển sinh trái tuyến, đặc biệt đối với các trường đã tuyển đủ chỉ tiêu được giao.

8. Lãnh đạo Hội đồng tuyển sinh nhà trường phân công các thành viên trực trong thời gian tuyển sinh để hướng dẫn, giải quyết kịp thời các khó khăn thắc mắc, tạo thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh.

9. Kết thúc tuyển sinh các trường lập danh sách học sinh đã trúng tuyển thông qua hệ thống hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến báo cáo kết quả tuyển sinh với Phòng GDĐT để phê duyệt kết quả tuyển sinh.

III. Chế độ thông tin, báo cáo.

1. Các trường báo cáo về Phòng GDĐT công tác tuyển sinh theo lịch sau:

- Trước ngày 31/3/2025: Các trường rà soát, cập nhật, hoàn thiện thông tin học sinh; in phiếu kê khai thông tin học sinh (*mẫu M01*) gửi CMHS ký xác nhận thông tin và chỉnh sửa (*nếu có*); hoàn thiện công tác điều tra cơ bản số học sinh trong độ tuổi; dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2025-2026.

- Trước ngày 31/5/2025: Hoàn thành việc cấp Mã tuyển sinh;
- Ngày 08-10/6/2025: Chạy thử nghiệm tuyển sinh trực tuyến (lần 1);
- Ngày 15-17/6/2025: Chạy thử nghiệm tuyển sinh trực tuyến toàn Thành phố (lần 2);
- Ngày 01-09/7/2025: Các cấp học tuyển sinh trực tuyến theo lịch của từng cấp học;
- Ngày 12-18/7/2025: Tuyển sinh trực tiếp vào các trường MN, lớp 1 và lớp 6;
- Chậm nhất ngày 19/7/2025: Báo cáo nhanh công tác tuyển sinh, đề xuất tuyển bổ sung học sinh trái tuyển (nếu có);
- Ngày 21-22/7/2025: Tuyển sinh trực tiếp vào các trường MN, lớp 1 và lớp 6 đối với những trường được duyệt tuyển bổ sung;
- Ngày 23/7/2025: Hoàn thành cập nhật dữ liệu tuyển sinh trên phần mềm;
- Ngày 25/7/2025: Nộp báo cáo chính thức về công tác tuyển sinh.

2. Từ ngày 01- 31/7/2025: Phòng GD&ĐT tổ chức kiểm tra công tác tuyển sinh.

UBND huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, khi có những vấn đề vướng mắc, Thủ trưởng các đơn vị phản ánh kịp thời về UBND huyện qua Phòng Giáo dục và Đào tạo để chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Huyện ủy, HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Các trường MN, TH, THCS;
- Các cơ sở MN ngoài công lập;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Công Thản

UBND HUYỆN THƯỜNG TÍN			GIAO CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH MẦM NON NĂM HỌC 2025-2026															
			(Kèm theo kế hoạch số 122 /KH-UBND ngày 27/3 /2025 của UBND huyện Thường Tín)															
(Mẫu Phụ lục 1a)																		
Loại hình	TT	Tên trường	Số HS qua điều tra trên địa bàn (Diện chưa ra lớp)					Số HS hiện có trong trường của năm học 2024-2025					Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2025-2026					Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực (xã, thị trấn...)
			Số HS trong độ tuổi nhà trẻ	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng số HS qua điều tra	Nhà trẻ	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi	MG 5 tuổi	Tổng cộng	Số HS vào nhà trẻ	Số HS vào MG 3 tuổi	Số HS vào MG 4 tuổi	Số HS vào MG 5 tuổi	Tổng số chỉ tiêu tuyển mới	
1	2	3	4	5	6	7	8=4+5+6+7	9	10	11	12	13=9+10+11+12	14	15	16	17	18=14+15+16+17	19
Công lập	1	Mầm non Chương Dương	68	13	7	10	98	58	51	64	87	260	39	13	7	10	69	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại Thôn Chương Lộc, thôn Kỳ Dương, Xóm 1, Xóm 2, Xóm 3 xã Chương Dương
Công lập	2	Mầm non Dũng Tiến	178	55	7	19	314	89	116	137	129	471	87	39	7	12	145	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Dũng Tiến
Công lập	3	Mầm non Duyên Thái	235	45	30	5	315	93	90	108	136	427	67	25	12	5	109	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Duyên Thái
Công lập	4	Mầm non Hồng Vân	75	18	15	5	131	76	68	71	73	288	45	15	10	5	75	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Hồng Vân
Công lập	5	Mầm non Hà Hồi	173	19	52	7	270	55	55	93	92	295	31	33	30	7	101	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Hà Hồi
Công lập	6	Mầm non Hiền Giang	79	7	8	0	101	67	64	89	73	293	43	7	8	0	58	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Hiền Giang
Công lập	7	Mầm non Hòa Bình	89	15	8	2	129	79	75	71	87	312	64	15	8	2	89	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Hoà Bình
Công lập	8	Mầm non Khánh Hà	320	38	25	18	439	128	140	162	195	625	100	38	25	18	181	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Khánh Hà
Công lập	9	Mầm non Lê Lợi	150	11	26	2	187	70	70	84	106	330	59	42	12	2	115	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Lê Lợi
Công lập	10	Mầm non Liên Phương	125	30	24	11	220	58	71	89	89	307	44	28	24	11	107	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Liên Phương
Công lập	11	Mầm non Minh Cường	98	24	19	3	168	100	77	97	79	353	63	18	12	3	96	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Minh Cường
Công lập	12	Mầm non Nhị Khê	147	15	10	3	190	86	96	86	107	375	76	15	10	3	104	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Nhị Khê
Công lập	13	Mầm non Nguyễn Trãi	89	31	3	2	156	77	85	68	84	314	55	19	3	2	79	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Nghiêm Xuyên
Công lập	14	Mầm non Nguyễn Trãi	195	46	15	0	302	93	105	112	111	421	67	40	15	0	122	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Nguyễn Trãi
Công lập	15	Mầm non Ninh Sở	202	43	7	0	295	96	97	101	121	415	75	45	22	18	160	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Ninh Sở
Công lập	16	Mầm non Quất Động	120	50	25	11	256	61	85	109	108	363	59	43	25	11	138	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Quất Động
Công lập	17	Mầm non Tân Minh	189	55	18	1	318	53	90	107	134	384	64	45	15	1	125	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Tân Minh
Công lập	18	Mầm non Tô Hiệu	199	26	5	5	261	125	134	161	146	566	98	15	5	5	123	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Tô Hiệu
Công lập	19	Mầm non Thống Nhất	174	33	22	3	265	70	83	106	109	368	50	30	17	3	100	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại thôn Bộ Đầu, thôn Giáp Long, thôn Hoàng Xá, thôn Phúc Trạch, thôn Thương Giáp xã Vạn Nhật
Công lập	20	Mầm non Tiên Phong	190	21	17	9	258	116	108	125	137	486	80	21	9	9	119	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Tiên Phong
Công lập	21	Mầm non Thăng Lợi	123	22	11	11	189	74	117	141	161	493	100	15	5	11	131	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Thăng Lợi
Công lập	22	Mầm non Thư Phú	150	20	30	0	220	32	45	52	77	206	60	36	25	0	121	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại thôn Phú Mỹ, thôn Thư Dương, thôn Vĩnh Lộc xã Chương Dương
Công lập	23	Mầm non Tự Nhiên	159	40	33	7	279	53	50	88	111	302	45	33	26	7	111	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Tự Nhiên

Công lập	24	Mầm non Văn Bình	177	30	25	18	280	99	124	146	199	568	72	30	25	18	145	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Văn Bình
Công lập	25	Mầm non Văn Tự	165	23	10	0	221	110	108	139	150	507	105	23	10	0	138	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Văn Tự
Công lập	26	Mầm non Văn Phú	188	53	46	9	349	42	81	106	115	344	55	36	37	9	137	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Văn Phú
Công lập	27	Mầm non Văn Tảo	74	50	20	10	154	75	95	109	132	411	70	60	30	10	170	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Văn Tảo
Công lập	28	Mầm non Vạn Diễm	179	25	29	0	258	66	57	94	80	297	84	20	18	0	122	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại thôn Đặng Xá, thôn Đỗ Xá, thôn Vạn Diễm xã Vạn Nhất
Công lập	29	Mầm non Hoa sen						34	47	36	47	164	33	13	14	10	70	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại Thị trấn Thường Tín
Công lập	30	Mầm non Sao Khuê	113	37	52	42	281	72	82	124	134	412	65	13	38	16	132	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại Thị trấn Thường Tín
		Tổng Công lập	4423	895	599	213	6904	2307	2566	3075	3409	11357	1955	825	504	208	3492	
Ngoài CL	1	Trường MNTT Thiên Ân (Hà Hồi)							68	83	86	237		65	22	3	104	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	2	Trường MNTT Sao Mai (Văn Tảo)						31	35	32	28	126	30	5	6	2	43	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	3	NL Ban Mai 1 (Duyên Thái)						15	15	7	10	47	15	0	3		18	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	4	NL Nhật Minh (Duyên Thái)						16	18	19	17	70	10	0	5		15	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	5	NL Bình Minh (Duyên Thái)						6	7	6	15	34	10	0	0		10	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	6	NL Mặt trời bé thơ (Duyên Thái)						22	24	8	9	63	8	0	5		13	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	7	NL Phương Anh (Duyên Thái)						20	16	18	23	77					0	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	8	NL Xuân Mai (Dũng Tiến)						23	12	10	0	45	12	0	5		17	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	9	NL Hòa Mi 1 (Hà Hồi)						10	20	18	20	68	15	0	2		17	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	10	Hoa Thủy Tiên (Hà Hồi)						15	15			30	15	0			15	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	11	Tương Lai (Hà Hồi)						8	8	10	24	50	15	0	3		18	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	12	Bình Minh 2 (Thư Phú)						10	13	14	13	50	15	0			15	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	13	Tuổi thơ (Thư Phú)						14	15	15	28	72	10	0			10	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	14	Đồ rê mí (Thư Phú)						2	3	2		7	15	0			15	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	15	NL Ngôi nhà tuổi thơ (Tự Nhiên)						23	13	11	9	56	15	0	3		18	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	16	NL Mặt Trời Bé Con (Tự Nhiên)						20	10	3	10	43	15	0	0		15	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	17	Ngôi Sao Xanh (Tự nhiên)						8	6			14	15	0	0		15	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	18	NL Tuổi Thân Tiên (Văn Tảo)						13	8	7		28	13	0	0		28	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	19	NL Sen Vàng (Văn Tảo)						17	17	30	46	110	0	0	0		0	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín

Ngoài CL	20	NL Anh Dương (Vân Tảo)						17	17	17	21	72	0	0	0		0	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	21	NL Sóc Nâu (Vân Tảo)						17	18	13	9	57	10	0	0		10	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	22	NL Xuân Mai (Tô Hiều)						37	30	28	26	121	0	0	0		0	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	23	NL Hải Đăng (Tô Hiều)						25	22	20	23	90	0	0	0		0	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	24	NL Hoa Thủy Tiên (Thị trấn)						30	14	13	13	70	10	0	0		10	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	25	NL Việt Úc (Thị Trấn)						24	16	17	12	69	8	0	5		13	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	26	NL Họa Mi (Khánh Hà)						15	10	5		30	15	0			15	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	27	NLViệt Anh (Nhị Khê)						12	13	8		33	15	0	0		15	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	28	NL Ong Vàng (Lê Lợi)						13	17	15	16	61	15	0	2	0	17	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	29	NL Baby home (Lê Lợi)						12	13	13		38	15	0	3		18	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	30	NL Nhà Dông (Minh Cường)							28	34	42	104	0	0	0		0	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	31	NL Tuệ Minh (Minh Cường)						25	8	4	9	46	30	0	0		30	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	32	NL Những người bạn nhỏ (Quất Đông)						19	6	1	1	27	15	0	0		15	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	33	NL Ngôi Nhà Hạnh Phúc (Quất Đông)						14	7	3		24	15	0	0		15	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	34	NL Hoa Ngọc Hà (Hòa Bình)						28	16	15	0	59	25	0	0		25	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	35	NL Thiên thần nhỏ (Hòa Bình)						30	0	0	0	30	25	0	0		25	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	36	NL Thiên thần nhỏ 1 (Ninh Sở)						13	15	10	10	48	15	0	2		6	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	37	NL Thiên thần nhỏ 2 (Ninh Sở)						14	10	10		34	15	0	5		20	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	38	NL Thiên Thân (Ninh Sở)						15	16	16	15	62	15	0	3		18	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	39	NL BaBy (Văn Bình)						16	8	10	7	41	20	0	3		23	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	40	NL Vườn Trê Thơ (Văn Bình)						20	13	10	6	49	20	0	5		25	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	41	NL Ngôi nhà hạnh phúc (Văn Bình)						10	12	12	13	46	15	0	5		20	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	42	NL Bình An (Văn Bình)						10	5			15	10	0			10	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	43	NL Anh Mặt Trời (Văn Bình))						16	3	6	3	28	20	0	0		20	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	44	NL Hoa Mặt Trời (Văn Phú)						13	0	0		13	10	0	0		10	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín

Ngoài CL	45	NL Minh Anh (Văn Phú)						15	9	8	5	40	20	0	0		20	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	46	NL Năng Mai (Liên Phương)						11	7	0	0	18	15	0	0		15	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	47	NLTuệ Đức (Liên Phương)						13	14	0	0	27	15	0	0		15	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	48	NL Hoa Ly (Liên Phương)						15	13	0	0	28	15	0	0		15	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	49	NL Mặt Trời Nhỏ (Chương Dương)						13	8	8	12	41	15	0	0		15	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
		NL Ngôi Trường Xanh (Tân Minh)						15	15	10		40	15	0	4			Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
Ngoài CL	50	NL Ngôi Trường Xanh (Hồng Vân)						15	13	15	17	60	12	0	4		16	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín
		Tổng Ngoài CL						815	719	614	598	2748	673	70	95	5	842	
		Tổng Quận, Huyện	4423	895	599	213	6904	3122	3285	3689	4007	14105	2628	895	599	213	4334	

(Mẫu Phụ lục 1b)

Loại hình	TT	Tên trường	Số hs trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực (xã, thị trấn,)	Ghi chú	Số HS/Lớp
				Số lớp	Số HS			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
Công lập	1	Tiểu học Chương Dương	97	3	97	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại Thôn Chương Lộc, thôn Kỳ Dương, Xóm 1, Xóm 2, Xóm 3 xã Chương Dương		32.3
Công lập	2	Tiểu học Dũng Tiến	136	4	136	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Dũng Tiến		34
Công lập	3	Tiểu học Duyên Thái	197	6	197	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Duyên Thái		32.8
Công lập	4	Tiểu học Hà Hồi	189	6	189	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Hà Hồi		31.5
Công lập	5	Tiểu học Hiền Giang	75	2	75	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Hiền Giang		37.5
Công lập	6	Tiểu học Hòa Bình	105	4	105	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Hòa Bình		26.3
Công lập	7	Tiểu học Hồng Vân	101	3	101	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Hồng Vân		33.7
Công lập	8	Tiểu học Khánh Hà	216	6	216	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Khánh Hà		36
Công lập	9	Tiểu học Lê Lợi	142	4	142	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Lê Lợi		35.5
Công lập	10	Tiểu học Liên Phương	114	4	114	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Liên Phương		28.5
Công lập	11	Tiểu học Minh Cường	108	4	108	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Minh Cường		27
Công lập	12	Tiểu học Nghiêm Xuyên	84	3	84	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Nghiêm Xuyên		28
Công lập	13	Tiểu học Nguyễn Trãi	123	4	123	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Nguyễn Trãi		30.8
Công lập	14	Tiểu học Nguyễn Du	175	5	175	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại Thị trấn Thường Tín		35
Công lập	15	Tiểu học Nhị Khê	115	4	115	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Nhị Khê		28.8
Công lập	16	Tiểu học Ninh Sở	145	5	145	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Ninh Sở		29

Công lập	17	Tiểu học Quất Động	136	4	136	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Quất Động		34
Công lập	18	Tiểu học Tân Minh	144	4	144	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Tân Minh		36
Công lập	19	Tiểu học Tô Hiệu	189	6	189	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Tô Hiệu		31.5
Công lập	20	Tiểu học Thắng Lợi	190	6	190	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Thắng Lợi		31.7
Công lập	21	Tiểu học Thống Nhất	122	4	122	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại thôn Bộ Đầu, thôn Giáp Long, thôn Hoàng Xá, thôn Phúc Trạch, thôn Thương Giáp xã Vạn Nhất		30.5
Công lập	22	Tiểu học Thư Phú	125	4	125	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại thôn Phú Mỹ, thôn Thư Dương, thôn Vĩnh Lộc xã Chương Dương		31.3
Công lập	23	Tiểu học Tiền Phong	159	5	159	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Tiền Phong		31.8
Công lập	24	Tiểu học Tự Nhiên	162	5	162	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Tự Nhiên		32.4
Công lập	25	Tiểu học Vạn Điểm	85	3	85	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại thôn Đặng Xá, thôn Đỗ Xá, thôn Vạn Điểm xã Vạn Nhất		28.3
Công lập	26	Tiểu học Văn Bình	230	7	230	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Văn Bình		32.9
Công lập	27	Tiểu học Văn Phú	142	4	142	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Văn Phú		35.5
Công lập	28	Tiểu học Vân Tảo	260	8	260	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Vân Tảo		32.5
Công lập	29	Tiểu học Văn Tự	155	5	155	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Văn Tự		31
Công lập	30	TH&THCS Thăng Long		2	70	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại huyện Thường Tín và các huyện lân cận		35
	Tổng C.lập		4221	134	4291			32
Ngoài CL	1							
	Tổng Ngoài CL							
Tổng Quận, Huyện			4221	134	4291			32

(Mẫu Phụ lục 1c)

Loại hình	TT	Tên trường	Số hs trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực (xã, thị trấn)	Ghi chú	Số HS/Lớp
				Số lớp	Số HS			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
Công lập	1	THCS Chương Dương	97	3	97	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại Thôn Chương Lộc, thôn Kỳ Dương, Xóm 1, Xóm 2, Xóm 3 xã Chương Dương		32.3
Công lập	2	THCS Dũng Tiến	158	4	158	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Dũng Tiến		39.5
Công lập	3	THCS Duyên Thái	259	6	240	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Duyên Thái		40
Công lập	4	THCS Hà Hồi	259	6	240	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Hà Hồi		40
Công lập	5	THCS Hiền Giang	95	2	90	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Hiền Giang		45
Công lập	6	THCS Hòa Bình	137	3	120	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Hòa Bình		40
Công lập	7	THCS Hồng Vân	114	3	103	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Hồng Vân		34.3
Công lập	8	THCS Khánh Hà	227	5	217	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Khánh Hà		43.4
Công lập	9	THCS Lê Lợi	176	4	176	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Lê Lợi		44
Công lập	10	THCS Liên Phương	157	3	130	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Liên Phương		43.3
Công lập	11	THCS Minh Cường	169	4	152	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Minh Cường		38
Công lập	12	THCS Nghiêm Xuyên	110	3	110	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Nghiêm Xuyên		36.7
Công lập	13	THCS Nguyễn Trãi	182	4	175	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Nguyễn Trãi		43.8
Công lập	14	THCS Nhị Khê	162	4	162	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Nhị Khê		40.5
Công lập	15	THCS Ninh Sở	200	5	200	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Ninh Sở		40
Công lập	16	THCS Quất Động	148	4	148	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Quất Động		37
Công lập	17	THCS Tân Minh	177	5	167	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Tân Minh		33.4
Công lập	18	THCS Tô Hiệu	195	5	180	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Tô Hiệu		36
Công lập	19	THCS Thắng Lợi	185	4	175	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Thắng Lợi		43.8
Công lập	20	THCS Thị Trấn	144	3	99	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín		33
Công lập	21	THCS Thống Nhất	128	3	120	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại thôn Bộ Đầu, thôn Giáp Long, thôn Hoàng Xá, thôn Phúc Trạch, thôn Thượng Giáp xã Vạn Nhất		40
Công lập	22	THCS Thư Phú	145	4	120	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại thôn Phú Mỹ, thôn Thư Dương, thôn Vĩnh Lộc xã Chương Dương		30
Công lập	23	THCS Tiền Phong	215	5	205	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Tiền Phong		41
Công lập	24	THCS Tự Nhiên	204	5	204	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Tự Nhiên		40.8

Công lập	25	THCS Vạn Điểm	107	3	100	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại thôn Đặng Xá, thôn Đỗ Xá, thôn Vạn Điểm xã Vạn Nhất		33.3
Công lập	26	THCS Văn Bình	267	6	257	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Văn Bình		42.8
Công lập	27	THCS Văn Phú	180	5	176	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Văn Phú		35.2
Công lập	28	THCS Vân Tảo	269	6	260	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Vân Tảo		43.3
Công lập	29	THCS Văn Tự	180	4	180	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại xã Văn Tự		45
Công lập	30	THCS Nguyễn Trãi A		4	170	Nơi thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Thường Tín		42.5
Công lập	31	THCS Thăng Long		3	105	Nơi thường trú hoặc tạm trú tại huyện Thường Tín và các huyện lân cận		35
	Tổng C.lập		5046	128	5036			39.3
Ngoài CL								
	Tổng Ngoài CL							
Tổng Quận, Huyện			5046	128	5036			39.3